

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2019/DS-PT

Ngày: 25/4/2019

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Hồ Minh Cường.

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Giang.

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Dự - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 564/DSPT ngày 09/11/2018 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 537/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1003/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1733/2019/QĐ-PT ngày 26/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông P (*Có mặt*)

Địa chỉ: 12.18 C/C Petroland, phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông P1, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: 260/5 Đường Đ1, phường P2, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 417/26/30 Đường Đ2, phường P3, quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông C, (*Có mặt*).

Địa chỉ: Số 59/58 đường Đ3, phường P4, Quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy uỷ quyền chứng nhận số 019121, quyền số 09 ngày 05/9/2018 tại Văn phòng công chứng Sài Gòn)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông T, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (*Có mặt*).

Địa chỉ: Số 60/109 đường Đ4, Phường P4, Quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và đầu tư địa ốc PTA.

Địa chỉ: Số 260/5 Đường Đ1, phường P2, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Đ (Vắng mặt).

Địa chỉ: 332/133 Đường Đ5, phường 5, quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2014, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa, ông P là nguyên đơn trình bày:

Ông và bị đơn ký Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013, nội dung thoả thuận: Bị đơn cam kết là chủ thửa đất 635 tờ bản đồ số 12 thuộc phường P5, Quận Q5, Tp. Hồ Chí Minh (gọi tắt là thửa đất 635), có trách nhiệm thực hiện dịch vụ pháp lý chuyển mục đích sử dụng, tách thửa thành 40 thửa đất, làm toàn bộ cơ sở hạ tầng và chuyển nhượng cho nguyên đơn với giá 07 tỷ đồng. Ông đồng ý mua 40 thửa đất với diện tích và giá tiền theo phụ lục hợp đồng kèm theo. Ông giao tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cho bị đơn ngay sau khi ký hợp đồng đặt cọc này.

Sau đó, bị đơn vi phạm hợp đồng không thực hiện đúng các thoả thuận về hoàn thành cơ sở hạ tầng, chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở đô thị đúng thời hạn tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng đặt cọc. Hơn nữa, qua tìm hiểu ông biết được sự thật bị đơn không phải là chủ thửa đất mà bị đơn đã lừa ông, đặt ông vào tình thế nói gì ông phải nghe theo, Hợp đồng đặt cọc mua bán thửa đất 635 đã vô hiệu ngay từ ngày hai bên ký kết nên ông khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Đối với “Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015” do Bị đơn cung cấp, được bà P (là người được ông uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền chứng nhận số 008418 quyền số 03 lập ngày 16/3/2018 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân) sao chụp và giao lại cho ông khi ông huỷ uỷ quyền tham gia tố tụng. Ông xác nhận nội dung và có ký tên tại Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 mà bị đơn cung cấp. Theo Biên bản thoả thuận này, ông và bị đơn đã thực hiện: Huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 002467 ký ngày 02/4/2014; ông nhận lại bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ số 00397 do UBND Quận Q5 cấp ngày 20/8/1999 và đã chuyển nhượng lại toàn bộ thửa đất 635 tờ bản đồ số 12 phường P5, Quận Q5, Tp. Hồ Chí Minh cho người khác. Ông cho rằng việc ký biên bản này mục đích là thoả thuận với bị đơn về việc trả lại tiền cho khách hàng tại dự án ML, ông đứng ra bán đất với giá 3.500.000.000 (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) và nếu không đủ tiền trả lại cho khách hàng thì mỗi bên sẽ chịu 50% trên số tiền thực tế thanh toán cho khách hàng. Sau đó, ông phải nộp số tiền 5.115.000.000 đồng để trả lại cho các khách hàng tố cáo ông lừa đảo (theo các biên bản giao nhận đồ vật ngày 20/7/2015, ngày 19/5/2015, ngày 11/9/2015 tại Cục điều tra hình sự Bộ Quốc Phòng); số tiền chênh lệch 1.615.000.000 đồng thì bị đơn phải thanh toán lại cho ông 50% là 807.500.000 đồng, nhưng từ sau ngày ký biên bản thoả thuận thì bị đơn không trả khoản tiền này nên Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 không có hiệu lực. Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013 đã vô hiệu từ ngày ký kết nên bị đơn phải trả lại số tiền đã nhận. Do đó, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông C là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Vào năm 2013, nguyên đơn là giám đốc Trung tâm Giao dịch Bất Động Sản TS thuộc Tổng Công ty TS - Bộ Quốc Phòng, bị đơn làm tại Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư địa ốc PTA nên hai bên có hợp tác với nhau trong việc mua đất để phân lô bán nền. Đến tháng 6/2013, hai người chọn mua thửa đất số 635 tờ bản đồ số 12 thuộc phường P5, Quận Q5, Tp. Hồ Chí Minh (gọi tắt là thửa đất 635), diện tích 3.083m² với giá 2.465.000.000 đồng của ông Q. Ngày 15/6/2013, mặc dù thủ tục mua bán đất với ông Q chưa hoàn thành nhưng nguyên đơn đã rao bán nền đất, đồng thời hai bên ký Hợp đồng đặt cọc với bị đơn với nội dung: nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn 1.000.000.000 (Một tỷ đồng) để chuyển nhượng lại thửa đất 635 và bị đơn có trách nhiệm làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm thành đất thổ cư, phân thành 40 lô đất dự án ML để bán cho khách hàng. Ngày 14/8/2013, nguyên đơn và ông Q ký chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 635 tại Phòng Công chứng số 03 Tp. Hồ Chí Minh. Ngày 02/4/2014, nguyên đơn ký chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng một phần thửa đất 635 cho bị đơn tại Văn phòng Công chứng BN. Trong quá trình hợp tác mua đất, chuyển mục đích sử dụng đất và phân lô bán nền đối với thửa đất 635 hai bên đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng đặt cọc đòi bị đơn trả lại số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng) tại Toà án Quận Q; lúc này các khách hàng mua đất của Công ty PTA cũng tố cáo nguyên đơn tại Cục điều tra hình sự Bộ Quốc Phòng. Sau khi cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc Phòng mời hai bên làm việc, giữa nguyên đơn và bị đơn đã trao đổi giải quyết dứt điểm việc hợp tác mua thửa đất 635 theo Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015. Theo thoả thuận này thì việc nguyên đơn vẫn tranh chấp Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng) là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ông T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện bị đơn, cho rằng nguyên đơn đã có sự nhầm lẫn đối với số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng). Mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng đặt cọc vào ngày 15/6/2013. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ khi ký hợp đồng đặt cọc này cho đến ngày 09/7/2015, hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã thống nhất giải quyết dứt điểm việc hợp tác mua bán thửa đất 635 tại Quận Q5 bằng “Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015”. Như nguyên đơn trình bày là Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013 đã vô hiệu từ ngày ký kết, vì vậy sau đó giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ký Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 để giải quyết dứt điểm về việc đặt cọc mua bán thửa đất 635. Theo nội dung thoả thuận tại biên bản này thì bị đơn đã thực hiện huỷ Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 635 với nguyên đơn, giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên không còn liên quan đến bất kỳ các khoản nợ nào kể từ ngày này (tức từ ngày 09/7/2015 trở về trước), nguyên đơn sẽ rút đơn khởi kiện bị đơn tại Toà án Quận Q và Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013 không còn giá trị. Như vậy, nguyên đơn đã có sự nhầm lẫn khi vẫn tranh chấp đối với Hợp đồng đặt cọc và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền

1.000.000.000 (Một tỷ đồng). Nếu nguyên đơn có chứng cứ chứng minh bị đơn không thực hiện trả 50% số tiền khi phải thanh toán thực tế cho khách hàng là 807.500.000 đồng theo Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 thì đây là một giao dịch khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Địa ốc PTA, có bà Đ đại diện theo pháp luật là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 537/2018/DS-ST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và việc thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/10/2018, ông P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông P trình bày: Tôi đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ, Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 không làm miễn trừ toàn bộ nghĩa vụ trả tiền của ông P1. Thời điểm ký giấy thỏa thuận trên, nguyên đơn bị các cơ quan Điều tra gây áp lực nên phải ký để giải quyết đơn tố cáo của các hộ dân liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất 635 tại Quận Q5. Ông P cho rằng đến nay ông P1 vẫn chưa hề thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền đặt cọc cho ông, cũng như không thực hiện trả ông 50% số tiền thiệt hại khi phải thanh toán thực tế cho khách hàng là 807.500.000 đồng (theo Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015), vì vậy yêu cầu trả tiền đặt cọc của ông vẫn còn hiệu lực.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ký Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 để giải quyết dứt điểm về việc đặt cọc mua bán thửa đất 635. Theo nội dung thoả thuận tại biên bản này thì bị đơn đã thực hiện huỷ Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 635 với nguyên đơn, giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên không còn liên quan đến bất kỳ các khoản nợ nào kể từ ngày này (tức từ ngày 09/7/2015 trở về trước), nguyên đơn sẽ rút đơn khởi kiện bị đơn tại Toà án Quận Q và Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013 không còn giá trị. Như vậy, nguyên đơn đã có sự nhầm lẫn khi vẫn tranh chấp đối với Hợp đồng đặt cọc và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng). Nếu nguyên đơn có chứng cứ chứng minh bị đơn không thực hiện trả 50% số tiền khi phải thanh toán thực tế cho khách hàng là 807.500.000 đồng theo Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 thì đây là một giao dịch khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm và bác kháng cáo của ông P.

Ông C là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông đồng ý với ý kiến của Luật sư và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và sự thừa nhận của các hai bên đương sự có cơ sở xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013 thoả thuận đặt cọc mua bán thửa đất số 635 tờ bản đồ số 12 thuộc phường P5, Quận Q5, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc các bên ký Hợp đồng đặt cọc này là vô hiệu về nội dung vì thời điểm ký hợp đồng đặt cọc, thửa đất 635 không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn và bị đơn đã ký Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015, nội dung thể hiện thống nhất giải quyết liên quan đến quyền sử dụng đất 635 và Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013.

Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 được nguyên đơn và bị đơn xác lập sau thời điểm họ là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất 635 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 26159 chứng nhận tại Phòng Công chứng số 03 – Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/8/2013; Hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất số 002467 chứng nhận tại Văn phòng Công chứng BN ngày 02/4/2014 nên được công nhận. Thực tế sau khi ký Biên bản thoả thuận này, hai bên đã thực hiện ký Hợp đồng Huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất, bị đơn đã giao bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và nguyên đơn đã bán thửa đất 635 cho người khác. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng do bị đơn không thực hiện trả 50% số tiền khi phải thanh toán thực tế cho khách hàng là 807.500.000 đồng nên Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 không có hiệu lực, Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013 đã vô hiệu từ khi ký kết nên đòi bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc là không phù hợp. Trường hợp, nguyên đơn cho rằng bị đơn không trả 50% số tiền theo Biên bản thoả thuận ngày 09/7/2015 thì nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi bị đơn trả số tiền này theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn trả lại số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng) là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông P làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư địa ốc PTA có bà Đ là người đại diện theo pháp luật vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án với sự vắng mặt của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư địa ốc PTA có bà Đ là đại diện theo pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông P về việc yêu cầu ông P1 trả số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông P cho rằng căn cứ vào Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013 thì ông P1 phải có nghĩa vụ trả cho ông toàn bộ số tiền đặt cọc như thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên, tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc, cả nguyên đơn và bị đơn đều không phải là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 635 tờ bản đồ số 12 thuộc phường P5, Quận Q5, Thành phố Hồ Chí Minh nên hợp đồng đặt cọc này vô hiệu.

Để giải quyết hợp đồng đặt cọc nói trên, nguyên đơn và bị đơn đã ký “Biên bản thỏa thuận ngày 09/7/2015”, nội dung thỏa thuận có liên quan đến Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013. Ông P cho rằng sau khi ký Biên bản thỏa thuận ngày 09/7/2015, nguyên đơn bán thửa đất số 635 tờ bản đồ số 12 thuộc phường P5, Quận Q5, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là thửa đất 635) chỉ được 3.500.000.000 đồng; nguyên đơn phải bỏ thêm số tiền 1.615.000.000 đồng để trả lại cho các khách hàng tố cáo nguyên đơn tại Cục điều tra hình sự Bộ Quốc Phòng nhưng bị đơn không trả cho nguyên đơn 50% số tiền là 807.500.000 đồng nên Biên bản thỏa thuận ngày 09/7/2015 không có hiệu lực.

Biên bản thỏa thuận ngày 09/7/2015 được nguyên đơn và bị đơn xác lập sau thời điểm ông P là người có quyền sử dụng hợp pháp của thửa đất 635 thông qua: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 26159 chứng nhận tại Phòng Công chứng số 03 - Tp. Hồ Chí Minh ngày 14/8/2013 (nguyên đơn nhận chuyển nhượng của ông Q, ông T1); Hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất số 002467 chứng nhận tại Văn phòng Công chứng BN ngày 02/4/2014 (nguyên đơn chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho bị đơn) nên nội dung thỏa thuận của hai bên là phù hợp quy định pháp luật.

Thực tế sau khi ký thỏa thuận này, hai bên đã thực hiện ký Hợp đồng Huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất số 008989 – quyền số 07 tại Văn phòng Công chứng BN ngày 09/7/2015, bị đơn đã giao bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng thửa đất 635 và nguyên đơn đã bán thửa đất này cho ông K để lấy tiền thanh toán cho khách hàng. Như vậy, Hợp đồng đặt cọc ngày 15/6/2013 đã được hai bên khắc phục hậu quả theo thỏa thuận tại Biên bản thỏa thuận ngày 09/7/2015. Nếu nguyên đơn cho rằng bị đơn không trả số tiền 807.500.000 đồng (là 50% số tiền thiệt hại mà nguyên đơn cho rằng phải bỏ ra thanh toán cho khách hàng) theo thỏa thuận ngày 09/7/2015, thì nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi bị đơn trả số tiền này

theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp qui định pháp luật

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp qui định pháp luật nên chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 264, 271, 273, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 328, khoản 2 Điều 372 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 537/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

2. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 42.000.000 đồng (*bốn mươi hai triệu đồng*), trừ số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 21.000.000 đồng (*hai mươi một triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 05145 ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q. Nguyên đơn (ông P) còn phải nộp số tiền án phí là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông P phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0023637 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận Q;
- Tòa án nhân dân Quận Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Minh Cường